

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG IDICO VINACONTROL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tháng 02 năm 2008.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103009322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 5 năm 2009.

Trụ sở Công ty: Lầu 7, số 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3. Tp. Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đăng Thành	Chủ tịch
	Ông Đoàn Văn Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quốc Minh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Đoàn Văn Hùng	Giám đốc
	Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đoàn Văn Hùng

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Số. 228/2014/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2013

của Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL, được lập ngày 03 tháng 3 năm 2014, từ trang 05 đến trang 22 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Tiến Trình
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		7.121.171.395	7.439.526.143
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	146.736.922	305.061.073
1. Tiền	111		146.736.922	305.061.073
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000	527.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6.2	50.000.000	527.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.793.212.309	2.677.637.280
1. Phải thu khách hàng	131		2.303.764.506	2.320.598.307
2. Trả trước cho người bán	132		441.885.204	356.740.000
5. Các khoản phải thu khác	135		47.562.599	298.973
IV- Hàng tồn kho	140		2.460.902.564	2.268.740.295
1. Hàng tồn kho	141	6.3	2.460.902.564	2.268.740.295
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.670.319.600	1.661.087.495
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.4	1.670.319.600	1.661.087.495
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.048.169.294	1.317.568.405
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		927.134.535	1.217.232.577
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.5	927.134.535	1.200.320.577
- Nguyên giá	222		1.852.202.667	1.962.637.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(925.068.132)	(762.317.232)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	16.912.000
- Nguyên giá	228		-	21.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(4.228.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		121.034.759	100.335.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.6	121.034.759	100.335.828
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		8.169.340.689	8.757.094.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		4.474.868.945	5.019.725.777
I- Nợ ngắn hạn	310		4.474.868.945	4.960.322.794
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	200.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.062.824.785	960.556.990
3. Người mua trả tiền trước	313		1.653.898.817	2.392.331.152
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.7	492.284.911	375.765.204
5. Phải trả người lao động	315		629.958.741	446.759.394
6. Chi phí phải trả	316	6.8	355.574.751	363.374.751
9. Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	319	6.9	232.853.185	221.535.303
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		47.473.755	-
II- Nợ dài hạn	330		-	59.402.983
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	59.402.983
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		3.694.471.744	3.737.368.771
I- Vốn chủ sở hữu	410	6.10	3.694.471.744	3.737.368.771
1. Vốn của chủ sở hữu	413		3.500.000.000	3.500.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		178.026.578	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.868.438	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.576.728	237.368.771
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		8.169.340.689	8.757.094.548

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Thị Thu

Võ Thị Hà

Đoàn Văn Hùng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.11	5.285.800.471	7.441.866.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		5.285.800.471	7.441.866.618
4. Giá vốn hàng bán	11	6.12	3.520.830.530	5.069.730.850
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.764.969.941	2.372.135.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.13	21.311.882	98.566.453
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	6.14	164.146.000	195.829.545
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.15	1.493.434.005	1.648.495.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		128.701.818	626.377.202
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	834.846
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	(834.846)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		128.701.818	625.542.356
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.16	124.125.090	75.089.895
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	89.075.003
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.576.728	461.377.458
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.17	13	1.318

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Thị Thu

Võ Thị Hà

Đoàn Văn Hùng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	128.701.818	625.542.356
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	256.006.647	222.173.671
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.311.882)	(98.566.453)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	363.396.583	749.149.574
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(124.807.134)	(1.484.279.031)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(192.162.269)	132.320.136
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(516.455.677)	818.777.726
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13.392.464	(62.282.479)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(25.412.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20	(456.636.033)	128.273.358
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(923.540.909)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.450.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	477.000.000	2.030.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	21.311.882	98.566.453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	498.311.882	(244.974.456)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	400.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(200.000.000)	(200.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(200.000.000)	200.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(158.324.151)	83.298.902
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	305.061.073	221.762.171
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	146.736.922	305.061.073

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Thị Thu

Võ Thị Hà

Đoàn Văn Hùng



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tháng 02 năm 2008.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 41.03.009322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 5 năm 2009.

Trụ sở Công ty: Lầu 7, số 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1.	Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol	Số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành Phố Hà Nội	600.000
2.	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam IDICO - TNHH Một thành viên	113 Nguyễn Cửu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	600.000
3.	Phan Văn Hùng	109 Nguyễn Thái Học, khối 1, phường Lê Lợi, Tp. Vinh	300.000
4.	Trịnh Xuân Tấn	110/39 Ông Bích Khiêm, phường 5, quận 11, TP. Hồ Chí Minh	300.000
5.	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Idico	Lầu 6, số 151 Ter, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	200.000

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Dịch vụ giám định thương mại. Phân tích, thử nghiệm nguyên vật liệu và cấu kiện xây dựng. Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (trừ khảo xây dựng). Quản lý dự án đầu tư. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế công trình cấp thoát nước, thiết kế công trình kỹ thuật đô thị. Thẩm tra: thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công. Thẩm tra dự toán, tổng dự toán công trình. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện. Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện. Đánh giá tác động môi trường. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. Khảo sát địa hình. Thiết kế khảo sát địa chất công trình xây dựng. Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị loại 2, khu dân cư, khu công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kiểm định chất lượng, giám sát thi công.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Công ty không có đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2013</u> (Số năm)
Máy móc và thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	06

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	70.832.736	98.903.363
Tiền gửi ngân hàng	75.904.186	206.157.710
Tổng	146.736.922	305.061.073

6.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	50.000.000	527.000.000
Tổng	50.000.000	527.000.000

6.3 Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.460.902.564	2.268.740.295
Tổng	2.460.902.564	2.268.740.295

6.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.670.319.600	1.661.087.495
Tổng	1.670.319.600	1.661.087.495

6.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2013	1.074.988.789	887.649.020	1.962.637.809
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	110.435.142	110.435.142
Giảm theo thông tư 45	-	110.435.142	110.435.142
Số dư tại 31/12/2013	1.074.988.789	777.213.878	1.852.202.667
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2013	182.493.288	579.823.944	762.317.232
Tăng trong năm	107.161.389	143.560.258	250.721.647
Khấu hao trong năm	107.161.389	143.560.258	250.721.647
Giảm trong năm	-	87.970.747	87.970.747
Giảm theo thông tư 45	-	87.970.747	87.970.747
Số dư tại 31/12/2013	289.654.677	635.413.455	925.068.132
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2013	892.495.501	307.825.076	1.200.320.577
Tại 31/12/2013	785.334.112	141.800.423	927.134.535

6.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ, dụng cụ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 - 3 năm.

6.7 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	300.988.771	269.796.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp	130.646.025	49.677.327
Thuế thu nhập cá nhân	60.650.115	56.291.180
Tổng	492.284.911	375.765.204

6.8 Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thuê nhà	42.881.021	42.881.021
Chi phí thuê thầu phụ Đak Mi 4	241.483.730	241.483.730
Chi phí trích trước chi phí thí nghiệm	62.300.000	70.100.000
Chi phí thuê nhà phòng thí nghiệm	8.910.000	8.910.000
Tổng	355.574.751	363.374.751

6.9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	7.007.310	6.079.643
Bảo hiểm xã hội	38.272.842	21.101.988
Bảo hiểm thất nghiệp	3.533.045	3.853.684
Cổ tức phải trả	182.299.988	182.299.988
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.740.000	8.200.000
Tổng	232.853.185	221.535.303

6.10 **Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	3.500.000.000	-	-	(298.573.863)	3.201.426.137
Tăng trong năm	-	-	-	535.942.634	535.942.634
Lãi	-	-	-	461.377.458	461.377.458
Tăng khác	-	-	-	74.565.176	74.565.176
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	3.500.000.000	-	-	237.368.771	3.737.368.771
Số dư tại 01/01/2013	3.500.000.000	-	-	237.368.771	3.737.368.771
Tăng trong năm	-	178.026.578	11.868.438	4.576.728	194.471.744
Lãi	-	-	-	4.576.728	4.576.728
Phân phối lợi nhuận	-	178.026.578	11.868.438	-	189.895.016
Giảm trong năm	-	-	-	237.368.771	237.368.771
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	237.368.771	237.368.771
Số dư tại 31/12/2013	3.500.000.000	178.026.578	11.868.438	4.576.728	3.694.471.744

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng góp vốn	Vốn theo đăng ký kinh doanh VND	Số đã thực góp đến 31/12/2013 VND	Tỷ lệ đã góp (%)	Cổ phần
I. Cổ đông				
1 Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol	6.000.000.000	1.500.000.000	42,86%	150.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển				
2 Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH Một thành viên	6.000.000.000	1.500.000.000	42,86%	150.000
3 Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	2.000.000.000	500.000.000	14,29%	50.000
4 Các đối tượng khác	6.000.000.000	-	0,00%	-
Tổng	20.000.000.000	3.500.000.000	100%	350.000

Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	01/01/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	350.000	350.000
Cổ phiếu phổ thông	350.000	350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6.11 **Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.285.800.471	7.441.866.618
Tổng	5.285.800.471	7.441.866.618

6.12 Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.520.830.530	5.069.730.850
Tổng	3.520.830.530	5.069.730.850

6.13 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.311.882	98.566.453
Tổng	21.311.882	98.566.453

6.14 Chi phí bán hàng

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí bằng tiền khác	164.146.000	195.829.545
Tổng	164.146.000	195.829.545

6.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	955.188.193	917.307.413
Chi phí vật liệu quản lý	5.380.475	1.206.247
Chi phí đồ dùng văn phòng	96.677.444	90.182.411
Chi phí khấu hao TSCĐ	92.787.003	46.138.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.310.908	382.258.542
Chi phí bằng tiền khác	172.089.982	211.402.759
Tổng	1.493.434.005	1.648.495.474

6.16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán	128.701.818	625.542.356
Các khoản điều chỉnh tăng	86.400.000	117.600.000
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>86.400.000</i>	<i>117.600.000</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	356.300.008
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>-</i>	<i>356.300.008</i>
Thu nhập chịu thuế	215.101.818	386.842.348
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>25%</i>
<i>Thuế TNDN nộp bổ sung năm 2012</i>	<i>81.104.726</i>	<i>-</i>
<i>Thuế TNDN được miễn giảm</i>	<i>-</i>	<i>21.620.692</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	124.125.090	75.089.895

6.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.576.728	461.377.458
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.576.728	461.377.458
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	350.000	350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	13	1.318

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
HDQT, BGD và Ban kiểm soát	Lương	573.745.406	456.474.132
Tổng		573.745.406	456.474.132

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	Thành viên Tổng IDICO	57.084.164	160.417.188
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Thành viên Tổng IDICO	394.914.025	237.096.603
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam IDICO - TNHH MTV	Chủ sở hữu	1.186.726.113	987.061.475
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Thành viên Tổng IDICO	355.436.219	198.382.647
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	Thành viên Tổng IDICO	-	62.354.069
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị IDICO	Thành viên Tổng IDICO	34.318.182	107.657.373
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Thành viên Tổng IDICO	38.498.384	27.017.748
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng	Thành viên Tổng IDICO	84.775.994	-

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải thu			
Cty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Phải thu khách hàng	277.651.749	527.651.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	Phải thu khách hàng	118.012.644	118.012.644
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	Phải thu khách hàng	45.082.580	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng IDICO	Phải thu khách hàng	6.897.224	6.897.224
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Phải thu khách hàng	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Phải thu khách hàng	14.344.862	-
Tổng		481.989.059	652.561.617

Bên liên quan	Tính chất	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải trả			
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Khách hàng ứng trước	7.477.921	20.625.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam IDICO - TNHH MTV	Khách hàng ứng trước	928.128.346	1.264.596.287
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Khách hàng ứng trước	81.394.459	96.652.693
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Khách hàng ứng trước	-	23.405.138
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng	Khách hàng ứng trước	-	93.253.593
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Khách hàng ứng trước	33.534.338	142.894.875
Tổng		1.050.535.064	1.641.427.586

7.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị còn lại 31/12/2013 VND	Giá trị còn lại 01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.736.922	305.061.073
Các khoản đầu tư	50.000.000	527.000.000
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	2.351.327.105	2.320.897.280
Tổng	2.548.064.027	3.152.958.353
	Giá trị còn lại 31/12/2013 VND	Giá trị còn lại 01/01/2013 VND
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng, phải trả nội bộ và phải trả khác	1.295.677.970	1.182.092.293
Chi phí phải trả	355.574.751	363.374.751
Khoản vay	-	200.000.000
Tổng	1.651.252.721	1.745.467.044

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và tương đương tiền	146.736.922	-	146.736.922
Đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	50.000.000	-	50.000.000
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	2.351.327.105	-	2.351.327.105
			2.548.064.027
01/01/2013			
Tiền và tương đương tiền	305.061.073	-	305.061.073
Đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	527.000.000	-	527.000.000
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	2.320.897.280	-	2.320.897.280
			3.152.958.353
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Phải trả khách hàng, phải trả nội bộ và phải trả khác	1.295.677.970	-	1.295.677.970
Chi phí phải trả	355.574.751	-	355.574.751
Các khoản vay	-	-	-
			1.651.252.721
01/01/2013			
Phải trả khách hàng, phải trả nội bộ và phải trả khác	1.182.092.293	-	1.182.092.293
Chi phí phải trả	363.374.751	-	363.374.751
			1.745.467.044

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7.3 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Thị Thu



Võ Thị Hà

Đoàn Văn Hùng

